

**TÒA ÁN NHA DẠ
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHA DẠ HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhA dA:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nhA dA huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị XuA Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhA và gia đình thụ lý số: 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Diễm M**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp V, xã K, huyện B, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Quốc A**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện N, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Trần Thị Diễm M trình bày:

Chị M và anh A quen biết, có thời tìm hiểu ngắn và tự nguyện tiến tới hôn nhA, thành hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhA dA xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận ngày 11/02/2019. Sau khi thành hôn thì anh A đi làm tại Nhật Bản, chị M thì sống tại nhà của cha mẹ ruột ở ấp Vĩnh Trị, xã Khánh Thạnh TA, huyện Mỏ Cày Bắc. Trong thời gian anh A đi làm tại Nhật Bản thì cũng thường về thăm chị M và gia đình, thường thì khoảng 06 tháng đến 01 năm thì anh A về một lần. Trong thời kỳ hôn nhA thì chị M và anh A có ít thời gian

chung sống cùng nhau do điều kiện làm việc của anh A. Tuy nhiên, mỗi lần anh A về nước thì lần nào vợ chồng cũng xảy ra cự cãi về tiền bạc và các cư xử của anh A với gia đình hai bên. Mỗi lần cự cãi có mẹ ruột chị M chứng kiến thì anh A nói chuyện lớn tiếng với chị M, anh A ném đồ đạc và cấm không cho chị M về nhà của cha mẹ ruột anh A. Có nhiều lần chị M về nhà cha mẹ anh A thì vợ chồng cũng xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống, có lần anh A đuổi chị M ra khỏi nhà. Khi anh A ở Nhật Bản cũng thường điện thoại về nói chuyện và thăm con, khi nói chuyện giữa hai bên cũng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống cách nói chuyện và tiền bạc dẫn đến cự cãi, mỗi lần cự cãi thì anh A nóng tính và đòi ly hôn với chị M. Anh A cũng không tôn trọng gia đình chị M. Chị M cảm thấy vợ chồng không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung nên không thể chia sẻ buồn vui trong cuộc sống. Thời gian gần đây anh A thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với bạn cũ nên mỗi lần điện thoại nói chuyện với chị M thì anh A gặng hỏi, dùng lời lẽ nặng nề. Chị M nhận thấy mục đích hôn nhân của mình không đạt được, nhiều lần muốn ly hôn với anh A. Đến tháng 9/2022 thì anh A hết hạn hợp đồng xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và trở về nước nên chị M nộp đơn xin ly hôn với anh A tại Tòa án. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin được ly hôn với anh A. Trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung tên là Huỳnh Ngọc Mai Q, sinh ngày 03/10/2018, con sống chung với chị M từ nhỏ cho đến nay, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Huỳnh Quốc A trình bày:

Anh A thống nhất với lời trình bày của chị M về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có một số bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường ngày nên khi nói chuyện có xảy ra tranh luận qua lại nhưng những mâu thuẫn này là không lớn. Trong thời gian lao động tại Nhật Bản anh A thường xuyên gọi điện về thăm chị M và con. Khi anh A về nước thăm gia đình thì có lúc vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, có lần anh A có nói “em như vậy thì thôi em đừng về nữa” chứ không cấm, không cho chị M về nhà cha mẹ chồng, do anh A nóng tính nên đã nói như vậy, hứa sẽ khắc phục tính nóng này. Khi vợ chồng cãi vã thì anh A có nói lớn tiếng với chị M trước mặt mẹ vợ nên anh có xin lỗi mẹ, không có việc anh A dùng lời lẽ xúc phạm mẹ vợ hay không tôn trọng mẹ. Do anh A thương vợ, và do đi làm xa nên khi đám tang ngoại vợ anh không không về được, lúc này có bạn cũ của chị M đến viếng, anh A biết nên có hỏi chị M về sự việc này, chị M không giải thích mà còn tỏ ra khó chịu nên anh A rất buồn về việc này chứ không ghe tuông như chị

M trình bày. Ngoài ra giữa hai bên không có mâu thuẫn nào khác. Từ tháng 9/2022 anh A về nước sinh sống cho đến nay, trong thời gian nay anh A thường xuyên đến nhà gặp chị M để hàn gắn tình cảm nhưng chị M không có thiện chí. Anh A xác định vẫn còn rất thương vợ và con, không đồng ý ly hôn với chị M, anh A mong muốn được hàn gắn đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm sóc con để con có đầy đủ tình thương của cha mẹ. Trong thời gian chung sống chúng tôi có một con chung tên là Huỳnh Ngọc Mai Q, sinh ngày 03/1/2018. Nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M thì anh A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con cháu Huỳnh Ngọc Mai Anh , không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dA sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dA sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhA và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diễm M, cụ thể: Về hôn nhA: Chị Trần Thị Diễm M được ly hôn với anh Huỳnh Quốc A. Về con chung: Chị Trần Thị Diễm M được quyền nuôi con chung là Huỳnh Ngọc Mai Q, sinh ngày 03/1/2018, anh Huỳnh Quốc A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tự thỏa thuận nên không xem xét. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trần Thị Diễm M đối với anh Huỳnh Quốc A thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dA sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Huỳnh Quốc A có nơi cư trú tại xã A, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015, Tòa án nhA dA huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhA: Chị Trần Thị Diễm M và anh Huỳnh Quốc A tự nguyện tiến tới hôn nhA, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhA dA xã A, huyện N, tỉnh B nên được xem là hôn nhA hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị M cho rằng hôn nhA giữa chị và anh A không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh A. Nguyên nhA là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường

xuyên cựa cũi, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Anh A trình bày, trong thời kỳ hôn nhân anh A đi làm xa, khi vợ chồng nói chuyện hay gặp nhau thì thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã những chuyện thường ngày của gia đình, do anh A nóng tính nên khi vợ chồng cãi nhau anh đã nói những lời làm chị M buồn, ngoài ra giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và cũng không có mâu thuẫn gì khác. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh A không đồng ý ly hôn với chị M, mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ để cùng chăm lo cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh A là có thật, khi mâu thuẫn xảy ra thì anh chị không hàn gắn tình cảm được, dẫn đến vợ chồng mạnh ai nấy sống không thể đoàn tụ được. Tại phiên tòa chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh A, không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh A đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh A là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị M và anh A có một con chung là Huỳnh Ngọc Mai Q, sinh ngày 03/1/2018, hiện đang sống cùng chị M. Chị M và anh A đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nếu anh chị ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Huỳnh Ngọc Mai Q sống cùng chị M từ nhỏ cho đến nay, cháu Mai Q cũng đã quen với sự chăm sóc, giáo dục của chị M. Chị M cũng đảm bảo chăm sóc tốt cho cháu Mai Anh. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Mai Q cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung là Huỳnh Ngọc Mai Q cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị M và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị M và anh A trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do chị M là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diễm M, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Diễm M được ly hôn với anh Huỳnh Quốc A.
2. Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Ngọc Mai Q, sinh ngày 03/1/2018 cho chị Trần Thị Diễm M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Quốc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Diễm M, anh Huỳnh Quốc A hoặc cả nhA, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Thị Diễm M, anh Huỳnh Quốc A có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh A không có yêu cầu nên không xem xét.
4. Về nợ chung: Chị M và anh A trình bày không có nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0009681 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Khánh Thạnh TA, huyện Mô Cày Bắc,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tỉnh Bến Tre^(1b);
- Lưu HS, VP^(2b) TC:8b .

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHA ĐA

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

